

GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG
Cấp cho Trung tâm Bảo trợ xã hội số 2 Thanh Hóa

Căn cứ Luật Người cao tuổi số 39/2009/QH12;

Căn cứ Luật Người khuyết tật số 51/2010/QH12;

Căn cứ Luật Trẻ em số 102/2016/QH13;

Căn cứ Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động, giải thể và quản lý cơ sở trợ giúp xã hội;

Căn cứ Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với các đối tượng bảo trợ xã hội;

Căn cứ Nghị định số 147/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Y tế;

Căn cứ Quyết định số 90/2025/QĐ-UBND ngày 15/7/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định số 127/2025/QĐ-UBND ngày 06/10/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc ủy quyền cho Giám đốc Sở Y tế thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch UBND tỉnh trong lĩnh vực bảo trợ xã hội và trẻ em trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định số 2089/TC-UBTH ngày 26/12/1990 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc thành lập Trung tâm nuôi dưỡng trẻ em mồ côi Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định số 2285/QĐ-UBND ngày 21/8/2006 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc chuyển giao nhiệm vụ và đổi tên Trung tâm nuôi dưỡng trẻ em mồ côi Thanh Hóa thành Trung tâm Bảo trợ xã hội số 2 Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định số 165/QĐ-UBND ngày 12/01/2026 của UBND tỉnh Thanh Hóa về kiện toàn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Bảo trợ xã hội số 2 Thanh Hóa, thuộc Sở Y tế tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định số 145/QĐ-SYT ngày 02/02/2026 của Giám đốc Sở Y tế tỉnh Thanh Hóa về việc thành lập Tổ thẩm định điều kiện cấp Giấy phép hoạt động cho các cơ sở trợ giúp xã hội;

Xét hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép hoạt động của Trung tâm Bảo trợ xã hội số 2 Thanh Hóa và kết quả thẩm định của Tổ thẩm định điều kiện cấp Giấy phép

hoạt động cho các cơ sở trợ giúp xã hội đối với Trung tâm Bảo trợ xã hội số 2 Thanh Hóa (tại Biên bản thẩm định ngày 05/02/2026 của Tổ thẩm định);

Sở Y tế tỉnh Thanh Hóa cấp Giấy phép hoạt động cho Trung tâm Bảo trợ xã hội số 2 Thanh Hóa với những nội dung sau:

I. THÔNG TIN VỀ CƠ SỞ

1. Tên cơ sở, địa chỉ trụ sở, số điện thoại

- Tên cơ sở: Trung tâm Bảo trợ xã hội số 2 Thanh Hóa;
- Địa chỉ: Số 06, đường Lê Lợi, phường Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa;
- Số điện thoại: 0237.365.6668.

2. Loại hình cơ sở: Cơ sở trợ giúp xã hội công lập.

3. Chức năng

- Trung tâm Bảo trợ xã hội số 2 Thanh Hóa là đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Y tế tỉnh Thanh Hóa. Trung tâm có chức năng tiếp nhận, quản lý, chăm sóc, nuôi dưỡng, phục hồi chức năng, tái hòa nhập cộng đồng cho các đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp, đối tượng tự nguyện sống tại cơ sở bảo trợ xã hội, gồm: trẻ em, người cao tuổi, người khuyết tật (*trừ đối tượng khuyết tật dạng thần kinh tâm thần*) theo quy định của pháp luật.

- Trung tâm có tư cách pháp nhân, có trụ sở làm việc, có con dấu và tài khoản riêng theo quy định của pháp luật.

II. NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP

1. Đối tượng phục vụ

1.1. Đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn:

a) Trẻ em dưới 16 tuổi không có nguồn nuôi dưỡng thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- Bị bỏ rơi chưa có người nhận làm con nuôi;
- Mồ côi cả cha và mẹ;
- Mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại bị tuyên bố mất tích theo quy định của pháp luật;
- Mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội, nhà xã hội;
- Mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại đang trong thời gian chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc;
- Cả cha và mẹ bị tuyên bố mất tích theo quy định của pháp luật;

- Cả cha và mẹ đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội, nhà xã hội;

- Cả cha và mẹ đang trong thời gian chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc;

- Cha hoặc mẹ bị tuyên bố mất tích theo quy định của pháp luật và người còn lại đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội, nhà xã hội;

- Cha hoặc mẹ bị tuyên bố mất tích theo quy định của pháp luật và người còn lại đang trong thời gian chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc;

- Cha hoặc mẹ đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội và người còn lại đang trong thời gian chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc.

b) Trẻ em nhiễm HIV/AIDS thuộc hộ nghèo.

c) Người cao tuổi thuộc diện được chăm sóc, nuôi dưỡng trong cơ sở trợ giúp xã hội theo quy định của pháp luật về người cao tuổi;

d) Trẻ em khuyết tật, người khuyết tật thuộc diện được chăm sóc, nuôi dưỡng trong cơ sở trợ giúp xã hội theo quy định của pháp luật về người khuyết tật (*trừ đối tượng khuyết tật dạng thần kinh tâm thần*).

1.2. Đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp bao gồm:

a) Nạn nhân của bạo lực gia đình; nạn nhân bị xâm hại tình dục; nạn nhân bị buôn bán; nạn nhân bị cưỡng bức lao động;

b) Trẻ em, người lang thang xin ăn trong thời gian chờ đưa về nơi cư trú;

c) Đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp khác theo quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

1.3. Người chưa thành niên, người không còn khả năng lao động là đối tượng thuộc diện chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

1.4. Đối tượng tự nguyện sống tại cơ sở trợ giúp xã hội bao gồm:

a) Người cao tuổi thực hiện theo hợp đồng ủy nhiệm chăm sóc;

b) Người không thuộc diện quy định tại các khoản 1.1, 1.2 và 1.3, mục 1 này, không có điều kiện sống tại gia đình, có nhu cầu vào sống tại cơ sở trợ giúp xã hội.

2. Quy mô hoạt động

Thực hiện quản lý, chăm sóc, nuôi dưỡng và phục hồi chức năng cho tới đa 380 đối tượng.

3. Địa bàn hoạt động: Trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

4. Các nhiệm vụ được cấp phép hoạt động

4.1. Cung cấp các dịch vụ khẩn cấp:

- Tiếp nhận đối tượng cần sự bảo vệ khẩn cấp;
- Đánh giá các nhu cầu của đối tượng; sàng lọc và phân loại đối tượng. Trường hợp cần thiết thì chuyển gửi đối tượng tới các cơ sở y tế, giáo dục, cơ quan công an, tư pháp hoặc các cơ quan, tổ chức phù hợp khác;

- Bảo đảm sự an toàn và đáp ứng các nhu cầu khẩn cấp của đối tượng như: nơi cư trú tạm thời, thức ăn, quần áo và đi lại.

4.2. Tham vấn, trị liệu rối nhiễu tâm trí, khủng hoảng tâm lý và phục hồi thể chất cho đối tượng.

4.3. Tư vấn và trợ giúp đối tượng thụ hưởng các chính sách trợ giúp xã hội; phối hợp với các cơ quan, tổ chức phù hợp khác để bảo vệ, trợ giúp đối tượng; tìm kiếm, sắp xếp các hình thức chăm sóc.

4.4. Xây dựng kế hoạch can thiệp và trợ giúp đối tượng; giám sát và rà soát lại các hoạt động can thiệp, trợ giúp và điều chỉnh kế hoạch.

4.5. Tiếp nhận, quản lý, chăm sóc, nuôi dưỡng các đối tượng bảo trợ xã hội thuộc diện đặc biệt khó khăn, không tự lo được cuộc sống và không có điều kiện sinh sống tại gia đình, cộng đồng.

4.6. Cung cấp dịch vụ điều trị y tế ban đầu.

4.7. Tổ chức hoạt động phục hồi chức năng, trợ giúp các đối tượng trong các hoạt động tự quản, văn hóa, thể thao, các hoạt động khác phù hợp với lứa tuổi và sức khỏe của từng nhóm đối tượng lao động sản xuất theo quy định của pháp luật.

4.8. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị, tổ chức để dạy văn hóa, dạy nghề, giáo dục hướng nghiệp nhằm giúp đối tượng phát triển về thể chất, trí tuệ, nhân cách và hòa nhập cộng đồng.

4.9. Cung cấp các dịch vụ về giáo dục xã hội và nâng cao năng lực.

- Cung cấp các dịch vụ về giáo dục xã hội để giúp đối tượng phát triển khả năng tự giải quyết các vấn đề, bao gồm cả giáo dục kỹ năng làm cha mẹ cho những đối tượng có nhu cầu; đào tạo kỹ năng sống cho trẻ em và người chưa thành niên;

- Hợp tác với các cơ sở đào tạo tổ chức đào tạo, tập huấn về công tác xã hội cho đội ngũ nhân viên, cộng tác viên công tác xã hội hoặc làm việc tại các cơ sở cung cấp dịch vụ công tác xã hội;

- Tổ chức các khóa tập huấn, hội thảo cung cấp kiến thức, kỹ năng cho các nhóm đối tượng có nhu cầu.

4.10. Quản lý đối tượng được cung cấp dịch vụ công tác xã hội.

4.11. Thực hiện các biện pháp phòng ngừa đối tượng rơi vào hoàn cảnh khó khăn và bị xâm hại, bạo lực, ngược đãi.

4.12. Phát triển cộng đồng

- Liên hệ với người dân, chính quyền các cấp trong việc xác định các vấn đề của cộng đồng để xây dựng chương trình, kế hoạch trợ giúp cộng đồng;

- Đề xuất chính sách với các cơ quan có thẩm quyền;

- Xây dựng mạng lưới nhân viên, tình nguyện viên công tác xã hội.

4.13. Tổ chức các hoạt động truyền thông, nâng cao nhận thức.

4.14. Chủ trì, phối hợp với chính quyền địa phương đưa đối tượng đủ điều kiện hoặc tự nguyện xin ra khỏi cơ sở trở về với gia đình, tái hòa nhập cộng đồng; hỗ trợ, tạo điều kiện cho đối tượng ổn định cuộc sống.

4.15. Quản lý tài chính, tài sản, viên chức và người lao động theo quy định của pháp luật.

4.16. Tổ chức vận động và tiếp nhận sự hỗ trợ tài chính, hiện vật của cơ quan, tổ chức, cá nhân ở trong nước và nước ngoài để thực hiện các hoạt động của Trung tâm theo quy định của pháp luật.

4.17. Thực hiện các hoạt động cung cấp dịch vụ theo yêu cầu và các nhiệm vụ khác do cấp có thẩm quyền quyết định./.

GIÁM ĐỐC

Lê Văn Cường